

Số: 31 /QĐ-VKIST

Hà Nội, ngày 11 tháng 02 năm 2022

QUYẾT ĐỊNH
Về việc phân bổ dự toán thu, chi ngân sách nhà nước năm 2022

VIỆN TRƯỞNG
VIỆN KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ VIỆT NAM – HÀN QUỐC

Căn cứ Nghị định số 50/2015/NĐ-CP ngày 18/5/2015 của Chính phủ về việc thành lập Viện Khoa học và Công nghệ Việt Nam- Hàn Quốc trực thuộc Bộ Khoa học và Công nghệ;

Căn cứ Thông tư số 122/2021/TT-BTC ngày 24/12/2021 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định về tổ chức thực hiện dự toán NSNN năm 2022;

Căn cứ Quyết định số 1131/QĐ-BKHHCN ngày 11/5/2017 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ ban hành Điều lệ tổ chức và hoạt động của Viện Khoa học và Công nghệ Việt Nam- Hàn Quốc;

Căn cứ Quyết định số 30/2021/QĐ-TTg ngày 10/10/2021 của Thủ tướng Chính phủ về việc ban hành các nguyên tắc, tiêu chí và định mức phân bổ dự toán chi thường xuyên ngân sách nhà nước năm 2022;

Căn cứ Quyết định số 3578/QĐ-BKHHCN ngày 31/12/2021 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ về việc giao dự toán thu, chi NSNN năm 2022 cho các đơn vị trực thuộc Bộ Khoa học và Công nghệ;

Căn cứ chế độ, tiêu chuẩn, định mức chi NSNN hiện hành;

Theo đề nghị của Trưởng phòng Quản trị Hành chính,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1: Phân bổ dự toán thu, chi NSNN năm 2022 cho Viện Khoa học và Công nghệ Việt Nam – Hàn Quốc, đơn vị sử dụng ngân sách theo phụ lục đính kèm.

Điều 2: Căn cứ vào dự toán chi NSNN năm 2022 được giao, thủ trưởng đơn vị sử dụng ngân sách tổ chức thực hiện nhiệm vụ được giao và dự toán ngân sách theo đúng nội dung, quy định của Luật ngân sách nhà nước và các văn bản hướng dẫn thực hiện, đảm bảo thực hiện nghiêm chủ trương quản lý ngân sách hiệu quả, thiết thực, tiết kiệm chi tiêu, chống lãng phí, cắt giảm các khoản chưa



hiệu quả, thiết thực, tiết kiệm chi tiêu, chống lãng phí, cắt giảm các khoản chưa cấp thiết, giảm tối đa kinh phí hội nghị, hội thảo, đi công tác không thực sự thiết thực, đẩy mạnh khoán xe công.

Điều 3: Phòng Quản trị Hành chính và Thủ trưởng các đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Vụ KHTC;
- KBNN nơi giao dịch;
- Lưu VT.

**KT. VIÊN TRƯỞNG
PHÓ VIÊN TRƯỞNG**

Phương Thiện Thương

**CÔNG
HỆ
NGHỆ**

BỘ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ
 VIỆN KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ VIỆT NAM – HÀN QUỐC
 Chương: 17

DỰ TOÁN THU CHI NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC 2022 (ĐỢT I)

Cửa: Viện Khoa học và Công nghệ Việt Nam – Hàn Quốc

Mã số đơn vị sử dụng ngân sách: 1054714

Mã KBNN nơi giao dịch: 0013

(Theo Quyết định số 31/QĐ-VKIST ngày 11 tháng 02 năm 2022 của Viện trưởng Viện Khoa học và Công nghệ Việt Nam – Hàn Quốc)

Đơn vị tính: triệu đồng

TT	Nội dung	Mã tính chất nguồn kinh phí	Tổng số	Ghi chú
1	2	3	4	5
	DỰ TOÁN CHI NSNN		28.031,0	
A	CHI THƯỜNG XUYÊN		28.031,0	
I	Chi sự nghiệp khoa học và công nghệ		28.031,0	
	Vốn trong nước		28.031,0	
<i>a</i>	<i>Khoa học tự nhiên và kỹ thuật (Loại 100-101)</i>		<i>28.031,0</i>	
1	Kinh phí thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ		12.731,0	
	- Kinh phí khoán chi	16	4.624,5	
	- Kinh phí không khoán chi	16	8.106,5	
2	Kinh phí thường xuyên		15.300,0	
	- Kinh phí thực hiện tự chủ	13	0	
	- Kinh phí không thực hiện tự chủ	12	15.300,0	
3	Kinh phí không thường xuyên		0	
	- Kinh phí không thực hiện tự chủ	12	0	
	- Đoàn ra và niên liễm (Tại Sở giao dịch KBNN)	12	0	
<i>b</i>	<i>Nghiên cứu và phát triển thực nghiệm khoa học xã hội và nhân văn (Loại 100-102)</i>			
1	Kinh phí thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ		0	
	- Kinh phí khoán chi	16	0	
	- Kinh phí không khoán chi	16	0	

BỘ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ
VIỆN KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ VIỆT NAM – HÀN QUỐC

THUYẾT MINH GIAO ĐỢI TOÁN CHI NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC 2022 (ĐỢT I)

Của: Viện Khoa học và Công nghệ Việt Nam – Hàn Quốc

(Theo Quyết định số 31 /QĐ-VKIST ngày 11 tháng 02 năm 2022 của Viện trưởng Viện Khoa học và Công nghệ Việt Nam – Hàn Quốc)

Đơn vị tính: triệu đồng

TT	Nội dung	Tổng số
	DỰ TOÁN CHI NSNN – CHI THƯỜNG XUYÊN	28.031,0
I	KINH PHÍ SỰ NGHIỆP KHOA HỌC	28.031,0
I.1	VỐN TRONG NƯỚC	28.031,0
I.1.1	KINH PHÍ THỰC HIỆN NHIỆM VỤ KHOA HỌC CÔNG NGHỆ	28.031,0
A	<i>Nhiệm vụ KHCN cấp Bộ</i>	<i>28.031,0</i>
1	Đề tài, đề án chuyển tiếp từ năm trước	11.085,0
2	Đề tài, đề án thực hiện từ năm nay	1.646,0
3	Chương trình cấp Bộ chuyển tiếp từ năm trước	
4	Công tác quản lý về KH&CN	
5	Nhiệm vụ KH&CN khác	
	<i>Phân thành:</i>	0
	- Kinh phí khoán chi	4.624,5
	- Kinh phí không khoán chi	8.106,5
I.1.2	KINH PHÍ THƯỜNG XUYÊN	28.031,0
1	Kinh phí hoạt động thường xuyên của VKIST	15.300,0
	Tiền lương	11.443,0
	Hoạt động bộ máy	3.857,0
	Trong đó: - Chi hoạt động thường xuyên	1.600,0
	- Thuê xe chỗ cán bộ từ Trần Duy Hưng đi Hòa Lạc	250,0
	- Nguyên vật liệu, vật tư văn phòng	150,0
	- Thông tin liên lạc	117,0
	- Chi phí vận hành bảo trì tòa nhà	990,0
	- Đoàn ra, đoàn vào	500,0
	- Hội nghị, hội thảo trong nước và quốc tế	250,0
I.1.3	KINH PHÍ KHÔNG THƯỜNG XUYÊN	
1	Các nhiệm vụ khác do cơ quan có thẩm quyền giao	0
	<i>Phân thành</i>	0
	- Kinh phí không thực hiện tự chủ	0

**THUYẾT MINH PHÂN BỐ DỰ TOÁN CHI SỰ NGHIỆP KHOA HỌC CÔNG NGHỆ NĂM 2022
CỦA VIỆN KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ VIỆT NAM – HÀN QUỐC**

(Theo Quyết định số 31 /QĐ-VKIST ngày 14 tháng 11 năm 2022 của Viện trưởng Viện Khoa học và Công nghệ Việt Nam – Hàn Quốc)

Đơn vị tính: triệu đồng

STT	Nội dung	Thời gian thực hiện	Quyết định phê duyệt của cấp có thẩm quyền	Tổng kinh phí đã phê duyệt thực hiện nhiệm vụ										Nguồn khác	
				Tổng số	Tổng số	Tổng kinh phí khoán	Đã phân bổ	Kinh phí khoán đã phân bổ	Phân bổ đợt này	Kinh phí giao khoán đợt này	Còn lại năm 2022	Nhu cầu năm còn lại	Kinh phí khoán năm còn lại	Tổng số	Nguồn khác
A	B	2	3	4=5+14	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15
	Tổng cộng			31.277,0	28.379,1	13.871,1	8.805,0	3.917,0	12.731,0	4.624,5	-	6.843,1	5.329,6	2.897,9	-
I	Nhiệm vụ cấp Bộ			31.277,0	28.379,1	13.871,1	8.805,0	3.917,0	12.731,0	4.624,5	-	6.843,1	5.329,6	2.897,9	-
I.1	Nhiệm vụ chuyên tiếp			27.917,0	25.019,1	12.150,1	8.805,0	3.917,0	11.085,0	4.304,5	-	5.129,1	3.928,6	2.897,9	-
I.1.1	Các đề án/dự án/đề tài cấp Bộ			27.917,0	25.019,1	12.150,1	8.805,0	3.917,0	11.085,0	4.304,5	-	5.129,1	3.928,6	2.897,9	-
1	Hoàn thiện công thức và đánh giá tác dụng phòng bệnh đường tiêu hóa của thức ăn chăn nuôi PremixHad trên lợn con	T7/2020 - T6/2022	93/QĐ-VKIST ngày 25/6/2020	2.650,0	2.650,0	950,0	2.385,0	905,0	265,0	45,0	-	-	-	-	-
2	Nghiên cứu, thiết kế và chế tạo robot dọn chất thải đáy ao nuôi tôm nhằm làm sạch môi trường và phòng trừ các bệnh hại cho tôm, góp phần nâng cao năng suất và chất lượng tôm thương phẩm	T9/2020 - T8/2022	94/QĐ-VKIST ngày 25/6/2020	2.345,0	2.345,0	1.260,0	1.790,0	962,0	555,0	298,0	-	-	-	-	-
3	Nghiên cứu chế tạo que thử sắc ký miễn dịch từ tinh và thiết bị đo từ trường sử dụng cảm biến từ trở xuyên hầm phân tích định lượng nhanh dấu ấn sinh học CA 15-3 và CEA	T7/2021 - T12/2023	135/QĐ-VKIST ngày 10/5/2021	3.620,0	3.620,0	1.720,0	1.560,0	470,0	1.649,0	839,0	-	411,0	411,0	-	-
4	Xác định thành phần hoạt tính chính có tác dụng hạ đường huyết để xây dựng quy trình chiết xuất cao giàu hoạt chất từ Dây thìa canh [Gymnema sylvestre	T7/2021 - T6/2023	136/QĐ-VKIST ngày 10/5/2021	4.947,0	2.516,0	1.230,0	900,0	480,0	1.453,0	622,0	-	163,0	128,0	2.431,0	-



	(Retz.) R. Br. ex Schult.] và nâng cấp tiêu chuẩn chất lượng và tác dụng của sản phẩm Diabetna	T7/2021 - T6/2024	137/QĐ-VKIST ngày 10/5/2021	3.400,0	3.400,0	1.480,0	820,0	400,0	1.619,0	354,0	-	961,0	726,0	-
5	Nghiên cứu quy trình công nghệ chiết xuất cao định chuẩn giàu saponin từ cây rau má (Centella asiatica (L.) Urb., Apiaceae) và bảo chế sản phẩm dùng cho các bệnh về da	T12/2021 - T12/2024	139/QĐ-VKIST ngày 12/5/2021	4.655,0	4.188,1	1.710,1	746,0	255,0	2.260,0	648,5	-	1.182,1	806,6	466,9
6	Nghiên cứu phát triển sản phẩm viên nang cứng hỗ trợ điều trị viêm loét dạ dày tá tràng từ bài thuốc cổ truyền Việt Nam gồm khô sâm cho lá (Croton tonkinensis Gagnep.), bồ công anh (Lactuca indica L.) và khô tía (Ardisia sylvestris Pitard.)	2021-2024	205/QĐ-VKIST ngày 29/6/2021	6.300,0	6.300,0	3.800,0	604,0	445,0	3.284,0	1.498,0	-	2.412,0	1.857,0	-
7	Nghiên cứu thiết kế trạm sạc 15kW cho ô tô điện													
I.2	Nhiệm vụ mở mới													
I.2.1	Các đề án/dự án/đề tài cấp Bộ			3.360,0	3.360,0	1.721,0	-	-	1.646,0	320,0	-	1.714,0	1.401,0	-
1	Phát triển công nghệ plasma lạnh phù vật liệu chức năng lên chíp sinh học gắn trên da ứng dụng theo dõi sức khỏe	2022-2023	520/QĐ-VKIST ngày 13/12/2021	3.360,0	3.360,0	1.721,0	-	-	1.646,0	320,0	-	1.714,0	1.401,0	-

